

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	277	5,540,000
Được chi trong ngày					5,540,000
Đã chi trong ngày					5,540,000
1. Dịch vụ					415,500
1	chất đốt		1,500	277	415,500
2			0	82	0
2. Kho					844,210
 Ăn chính					844,210
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	25.7	398,350
2	Dầu lạc	Kg	120,000	1.5	180,000
3	Đường kính	Kg	32,500	2	65,000
4	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.5	37,000
5	Bột canh	Gói	4,000	4	16,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.63	39,060
7	Dầu simply	Lít	68,000	1.6	108,800
3. Đi chợ					4,280,290
 Ăn chính					4,280,290
1	Bí đao (bí xanh)	Kg	18,000	15	270,000
2	Cà chua	Kg	20,000	3	60,000
3	Gấc	Quả	30,000	1	30,000
4	Giá đậu xanh	Kg	18,000	1	18,000
5	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
6	Rau mồng tơi	Kg	15,000	2	30,000
7	Tỏi	Kg	50,000	0.1	5,000
8	Thịt bò loại I	Kg	240,000	2	480,000
9	Tôm biển	Kg	170,000	8	1,360,000
10	Đậu Phụ	Kg	25,000	10	250,000
11	Lá chanh	Kg	1,000	0.29	290
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2	260,000
14	Bầu xanh	Kg	15,000	6	90,000
15	Sữa chua	Ổng	5,000	277	1,385,000
Chênh lệch cuối ngày					0

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

